TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2024/HS-ST
Ngày: 09/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai Khanh.

Bà Đặng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm đặt tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6; Điểm cầu thành phần đặt tại Trại tạm giam Chí Hòa - Cơ sở T30 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Vĩnh T (tên thường gọi là Mọi); Sinh ngày: 19/5/1995; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 133/38Q2 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Q và bà: Nguyễn Thị Thu V; Có vợ: Không và con: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/11/2023.

Tiền án: Ngày 10/3/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 13/2022/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2023 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 347/GCN của Trại giam Xuân Lộc). Đã thi hành xong án phí tháng 3/2023, chưa nộp lại tiền do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước (Công văn trả lời xác minh số: 56/CCTHADS-VP ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân:

- Ngày 07/6/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện

bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 121/2016/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 09/01/2018 (Giấy chứng nhận số: 303/GCN-CS1 ngày 21/12/2017 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1).

- Ngày 05/7/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 19 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 268/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 13/12/2019 (Giấy chứng nhận số: 1018/GCN-CSĐH ngày 29/10/2019 của Cơ sở cai nghiện ma túy - Bảo trợ Xã hội Phú Văn).

(bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

- *Bị hại:*

Ông Hà Văn C; Sinh năm: 1968; Trú tại: 57 đường số 28, khu dân cư BP, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Trần Thị Xuân H; Sinh năm: 1969; Thường trú: 649 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 57 đường số 28, khu dân cư BP, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:* Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần.

- *Người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:* Các ông Lê Chăn Tha, Phạm Hoàng Long, Phạm Hồng Khánh - Là cán bộ, chiến sĩ Hỗ trợ tư pháp thuộc nhà tạm giữ Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 04/11/2023, trong khi đi bộ với Nguyễn Thị Ngọc A trên đường HG để tìm cửa hàng bán điện thoại di động, Trần Vĩnh T phát hiện có chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream biển số 59K1-191.52 của ông Hà Văn C đang để trong hẻm số 649 đường HG, Phường K, Quận F, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Để thực hiện ý định, T kêu Ngọc A đứng chờ ở đầu hẻm, còn T đi đến chỗ chiếc xe quan sát, thấy chìa khóa xe còn cắm trên ổ khóa công tắc mà không có người trông coi, nên quay lại rủ Ngọc A cùng vào chiếm đoạt chiếc xe trên, nhưng Ngọc A không đồng ý và bỏ đi về nhà. Thấy vậy, T một mình đi đến chỗ chiếc xe, mở công tắc, khởi động máy rồi điều khiển xe tẩu thoát vào trong hẻm 649 đường HG. Lúc này ông Hà Văn C cùng vợ là bà Trần Thị Xuân H phát hiện tri hô và đuổi theo. T điều khiển xe chạy đến trước nhà số 639/17 đường HG, do không làm chủ tốc độ tay lái nên để xe tự ngã

xuống đường, T liền bỏ xe chạy bộ đến bên hông nhà số 681/1A đường HG thì bị ông C cùng lực lượng bảo vệ dân phố nghe tiếng tri hô của ông C đuổi theo bắt giữ giao Công an Phường 11, Quận 6 giải quyết.

Tại Công an Phường 11, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Trần Vĩnh T đều khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 103/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 11 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 59K1-191.52, số khung M-0159623, số máy E-0159623 (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 04/11/2023 là: 6.500.000 đồng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 187/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Trần Vĩnh T về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 189/QĐ-ĐTTH).

Đối với Nguyễn Thị Ngọc A, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi lấy trộm xe gắn máy của Trần Vĩnh T, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKS-Q6 ngày 27 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Vĩnh T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Vĩnh T khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream, màu nâu (bị cáo không nhớ biển số) của ông Hà Văn C tại trước cửa sau nhà số 649 đường HG, Phường K, Quận F vào sáng ngày 04/11/2023 và bị bắt quả tang như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Vĩnh T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Vĩnh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến Trần Vĩnh T trước khi lấy trộm xe gắn máy tại đầu hẻm 649 đường HG, Phường K, Quận F) do ông Trần Vĩnh H1 cung cấp, đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Trương Đ và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an

Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL172), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Vĩnh T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Vĩnh T tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 04/11/2023 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 103/KL-HĐĐGTS ngày 08/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Hà Văn C, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị Xuân H và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Vĩnh T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Trần Vĩnh T đã lợi dụng sự sơ hở của ông Hà Văn C, lén lút chiếm đoạt của ông C 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 59K1-191.52 (số khung M-0159623, số máy E-0159623) trị giá 6.500.000 đồng tại trước cửa sau nhà số 649 đường HG, Phường K, Quận F vào sáng ngày 04/11/2023. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Vĩnh T là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Bị cáo Trần Vĩnh T đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 10/3/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»). Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án này, nhưng chưa được xóa án tích. Nay, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đó là ngày 07/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 05/7/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 19 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Lẽ ra bị cáo phải biết rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội, nhưng ngược lại, vẫn tiếp tục sống buông thả và phạm tội. Cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Vĩnh T tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Trần Vĩnh T còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, ông Hà Văn C và bà Trần Thị Xuân H (vợ của ông C) đều vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra các ông, bà này không yêu cầu bồi thường (theo hai Biên bản ghi lời khai cùng ngày 25/02/2024 của Công an Quận 6), do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Cơ quan điều tra đã xử lý trả 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 59K1-191.52 (số khung M-0159623, số máy E-0159623) và 02 chìa khóa xe cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Xuân H (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 31/01/2024 - BL79), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.2] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến Trần Vĩnh T trước khi lấy trộm xe gắn máy tại đầu hẻm 649 đường HG, Phường K, Quận F) do ông Trần Vĩnh H1 cung cấp, đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Trương Đ và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL172), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với Nguyễn Thị Ngọc A, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi lấy trộm xe gắn máy của bị cáo Trần Vĩnh T, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Vĩnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Vĩnh T** (Mọi) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2023.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Vĩnh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Vĩnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Hà Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên